ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ HÙNG THẮNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:640 /BC-UBND	*Hùng Thắng, ngày* 30 *tháng* 10 *năm 2026*

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong 10 tháng đầu năm 2026 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm các tháng cuối năm 2026 trên địa bàn xã Hùng Thắng

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 12/02/2026 của UBND thành phố; Quyết định số 27/QĐ-BCĐ ngày 15/3/2026 và Quyết định số 100/QĐ-BCĐ ngày 10/8/2026 của Ban Chỉ đạo thành phố; bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Thường trực Đảng ủy, UBND xã Hùng Thắng báo cáo toàn diện kết quả thực hiện trong 10 tháng đầu năm 2026 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm các tháng cuối năm 2026 cụ thể như sau:

Phần thứ nhất
TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện

- Về tổ chức, kiện toàn Ban Chỉ đạo và quy chế làm việc: UBND xã đã tham mưu Đảng ủy xã ban hành Quyết định thành lập và thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số xã Hùng Thắng (do đồng chí Bí thư Đảng ủy làm Trưởng ban Chỉ đạo, đồng chí Chủ tịch UBND xã làm Phó Trưởng ban Thường trực); thành lập Tổ giúp việc gồm các công chức chuyên môn nòng cốt và lực lượng Công an xã. Trong 10 tháng đầu năm 2026, Ban Chỉ đạo xã đã tổ chức 05 phiên họp chuyên đề định kỳ và đột xuất triển khai thực hiện nhiệm vụ.

- Về ban hành văn bản lãnh đạo, chỉ đạo: UBND xã đã kịp thời ban hành Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 20/02/2026 về triển khai KHCN, ĐMST và chuyển đổi số năm 2026 trên địa bàn; Kế hoạch cao điểm triển khai Đề án 06 và Kế hoạch hành động 100 ngày xử lý điểm nghẽn chuyển đổi số theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương và UBND thành phố; ban hành hơn 25 văn bản điều hành, hướng dẫn nghiệp vụ các ngành, đoàn thể và cơ sở thôn.

- Về kiểm tra, giám sát, đôn đốc: Thường xuyên tổ chức triển khai công tác tự kiểm tra kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các tồn tại liên quan đến việc cập nhật dữ liệu hộ tịch, tiến độ làm sạch dữ liệu đất đai và việc chậm hướng dẫn người dân kích hoạt VNeID mức độ 2, đến nay 100% các kiến nghị sau kiểm tra đã được khắc phục triệt để.

2. Thống kê kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao

Trong 10 tháng đầu năm 2026, UBND xã Hùng Thắng được giao tổng số 28 chỉ tiêu, nhiệm vụ thuộc các nhóm văn bản, kế hoạch của Ban Chỉ đạo Trung ương, Ban Chỉ đạo thành phố và UBND thành phố. Kết quả rà soát, đánh giá cụ thể:

- Tổng số nhiệm vụ được giao: 28 nhiệm vụ.
- Số nhiệm vụ đã hoàn thành: 28 nhiệm vụ (đạt tỷ lệ 100 %).

STT	Nhóm nhiệm vụ / Căn cứ giao việc	Tổng số	Đã hoàn thành	Đang thực hiện	Nguy cơ chậm / Quá hạn
1	Hệ thống theodoinq.dcs.vn	04	04	0	0
2	Chương trình công tác BCĐ TP năm 2026	05	04	01	0
3	Kế hoạch số 49/KH-UBND của UBND thành phố	06	05	01	0
4	Quyết định số 27/QĐ-BCĐ ngày 15/3/2026	05	05	0	0
5	Quyết định số 100/QĐ-BCĐ (Kế hoạch 05-KH/BCĐTW)	05	05	0	0
6	Kế hoạch số 86-KH/TU của Thành ủy	03	02	01	0
-	Tổng cộng	28	25	03	0

II. VỀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH

1. Kết quả ban hành văn bản quy phạm và hướng dẫn: UBND xã đã chủ động cụ thể hóa đầy đủ các quy định của cấp trên vào điều kiện thực tiễn địa phương. Đã ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động nội bộ cơ quan UBND xã; ban hành Quy định tiếp nhận, xử lý phản ánh hiện trường qua nền tảng Mặt trận số 24/7 và ứng dụng số thành phố. Đồng thời, phối hợp tham gia góp ý kiến chất lượng vào 04 dự thảo Nghị quyết của HĐND thành phố về chính sách hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ, thu hút nhân lực số cơ sở.

2. Khó khăn, vướng mắc về thể chế: Khó khăn lớn nhất ở cấp xã hiện nay là chưa có cơ chế tài chính cụ thể hướng dẫn thuê khoán chuyên gia công nghệ, hợp

đồng nhân sự phụ trách an toàn thông tin chuyên sâu; chi hỗ trợ thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng chưa có, thành viên Tổ chủ yếu là hoạt động kiêm nhiệm.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

1. Công nghệ chiến lược, hoạt động doanh nghiệp KHCN

Địa bàn xã hiện có 37 doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất kinh doanh nông sản, thủy sản và dịch vụ tiểu thủ công nghiệp. Trong 10 tháng đầu năm 2026, UBND xã đã vận động, hướng dẫn 02 Hợp tác xã (HTX Nông nghiệp Hùng Thắng và HTX Nuôi trồng thủy sản công nghệ cao) ứng dụng hệ thống quan trắc môi trường nước tự động sử dụng cảm biến IoT và hệ thống cấp khí sục tự động trong nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh, giúp giảm 15% chi phí điện năng và tăng 18% tỷ lệ sống của tôm thương phẩm.

2. Về sở hữu trí tuệ

UBND xã phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tiếp tục hoàn thiện hồ sơ hỗ trợ 02 cơ sở sản xuất đạt chứng nhận OCOP (Mật ong rừng ngập mặn Hùng Thắng, Trà thảo mộc) gắn tem điện tử truy xuất nguồn gốc QR Code chống hàng giả. Trong 10 tháng, không phát hiện trường hợp xâm phạm bản quyền sở hữu trí tuệ trên địa bàn.

3. Phát triển nguồn nhân lực công nghệ cao và mô hình hợp tác “3 Nhà”

UBND xã đã kết nối với các nhà khoa học Viện Thủy sản, Viện Thổ nhưỡng Nông hóa và Trường Đại học Hải Phòng tổ chức 03 lớp tập huấn chuyển giao kỹ thuật thâm canh nông nghiệp hữu cơ thích ứng biến đổi khí hậu cho 180 lượt nông dân và hộ sản xuất kinh doanh.

4. Triển khai Trí tuệ nhân tạo (AI) và kinh tế dữ liệu

Uỷ ban nhân dân xã đã chủ động cử cán bộ, công chức chuyên môn tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) do thành phố tổ chức. Trên cơ sở đó, đội ngũ cán bộ, công chức đã chủ động khai thác, ứng dụng linh hoạt các nền tảng, phần mềm trợ lý ảo AI vào thực tiễn xử lý công việc. Việc ứng dụng AI trong tra cứu nhanh văn bản quy phạm pháp luật, rà soát thủ tục và hỗ trợ soạn thảo văn bản hành chính đã mang lại hiệu quả rõ nét, giúp rút ngắn khoảng 35% thời gian tra cứu và xử lý hồ sơ, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân.". 100% các cơ sở trường học trên địa bàn áp dụng công cụ AI Teacher hỗ trợ xây dựng giáo án điện tử tương tác và dạy học STEM.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Về hạ tầng, kiến trúc số

Hạ tầng viễn thông di động được phủ sóng 4G/5G và cáp quang Internet tới 100% thôn, không còn vùng lõm sóng. Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh đạt 91,5%. Tại cơ quan UBND xã, Trung tâm Phục vụ hành chính công của xã

mạng LAN và đường truyền chuyên dùng được vận hành ổn định. Tuy nhiên, qua rà soát toàn xã hiện có 10/38 bộ máy tính đã cũ (sản xuất trước năm 2017), tốc độ chậm, cần được nâng cấp, thay thế để bảo đảm an toàn thông tin.

2. Nền tảng số dùng chung và giải quyết TTHC

- 100% văn bản chỉ đạo điều hành (trừ văn bản mật) được ký số chuyên dùng và gửi nhận hoàn toàn trên Hệ thống Quản lý văn bản và Điều hành thành phố; tỷ lệ hồ sơ công việc xử lý trực tuyến đạt 98,5%.

**** Kết quả giải quyết TTHC 10 tháng năm 2026 (số liệu từ ngày 01/1/2026 đến hết ngày 14/9/2026):***

- Tiếp nhận 5.422 hồ sơ, trong đó có 3.527 hồ sơ được tiếp nhận và xử lý trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của thành phố và 1.895 hồ sơ tiếp nhận, xử lý trên Hệ thống của các bộ. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 100%; tỷ lệ hồ sơ yêu cầu lệ phí được thanh toán trực tuyến đạt 100%; tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả TTHC đạt 100%; tỷ lệ tái sử dụng lại thông tin số hóa đạt 100%.

- Giải quyết trước hạn được 5.301 hồ sơ đạt tỷ lệ 97,8 %.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính của ngành dọc:

Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Tiên Lãng tiếp nhận và xử lý: 1.168 hồ sơ.

- 100% kết quả giải quyết TTHC được cấp bản điện tử; tỷ lệ số hóa hồ sơ đầu vào đạt 100%; tỷ lệ khai thác, tái sử dụng thành phần hồ sơ số hóa đạt 80%. Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt đạt 100% qua mã QR Code động và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Công an xã phối hợp hoàn thành cấp căn cước và kích hoạt tài khoản định danh điện tử VNeID mức độ 2 cho công dân đủ điều kiện đạt gần 98%; triển khai hiệu quả 100% các tiện ích khám chữa bệnh BHYT bằng VNeID tại Trạm Y tế xã.

3. Dữ liệu số, an toàn thông tin và nguồn nhân lực

UBND xã đã hoàn thành 100% việc chuẩn hóa, làm sạch dữ liệu cán bộ, công chức, hộ tịch điện tử. Phối hợp lập và trình phê duyệt Hồ sơ đề xuất cấp độ 2 an toàn thông tin đối với hệ thống mạng nội bộ cơ quan theo đúng quy định. Đã cử 100% cán bộ, công chức và thành viên 14 Tổ công nghệ số cộng đồng tham gia nền tảng Bình dân học vụ số và các lớp tập huấn kỹ năng số của thành phố, địa phương tổ chức.

4. Phát triển Kinh tế số và Xã hội số

100% hộ kinh doanh, tiểu thương tại chợ dân sinh triển khai mã thanh toán QR Code; hỗ trợ 100% sản phẩm OCOP của xã lên các sàn thương mại điện tử Postmart. 100% các cơ sở trường học trên địa bàn triển khai thu học phí không dùng tiền mặt và số hóa học bạ liên thông 100%. 100% đối tượng chính sách, người có công và bảo trợ xã hội nhận chi trả an sinh xã hội qua tài khoản ngân hàng.

V. VỀ TÀI CHÍNH VÀ GIẢI NGÂN

1. Kinh phí cấp xã: Nguồn kinh phí chi thường xuyên cấp xã bố trí năm 2026 cho công tác ứng dụng CNTT và CĐS là Nguồn 390 triệu tiết kiệm 33 triệu đã chi 270,9 triệu đồng; trong 10 tháng đã thực hiện đạt 75.8% dự toán.

Phần thứ hai
THẾ MẠNH, SẢN PHẨM ỨNG DỤNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI SỐ; NHU CẦU, KINH PHÍ, GIÁ TRỊ VÀ ĐỀ XUẤT

1. Sản phẩm thế mạnh: Chuỗi giá trị Táo chất lượng cao gắn với truy xuất nguồn gốc điện tử

Xã Hùng Thắng hiện có diện tích trồng táo tập trung đạt 5 ha với 35 hộ dân tham gia liên kết chuỗi sản xuất, cung ứng sản lượng táo thương phẩm bình quân đạt 70 tấn/năm. Với giá bán bình quân theo phương thức thương lái thu mua truyền thống là 50.000 đồng/kg, tổng giá trị sản xuất hiện nay ước đạt 3.500 triệu đồng/năm. Cơ sở bước đầu đã áp dụng tem mã QR tĩnh cơ bản trên bao bì để giới thiệu nguồn gốc, kết hợp thử nghiệm kinh doanh qua các nền tảng số và mạng xã hội với doanh thu bán lẻ trực tuyến đạt khoảng 500 - 700 triệu đồng/năm. Hiện nay, sản phẩm đang ở giai đoạn sản xuất và tiêu thụ ổn định, có tiềm năng lớn nhưng nhu cầu cấp thiết là phải mở rộng thị trường vào các hệ thống phân phối hiện đại như siêu thị, chuỗi thực phẩm sạch nhằm gia tăng giá trị kinh tế.

Tuy nhiên, mức độ ứng dụng công nghệ tại địa phương còn nhiều hạn chế khi quy trình canh tác chủ yếu dựa trên kinh nghiệm truyền thống; tem mã QR mới chỉ dừng ở thông tin tĩnh, chưa thiết lập được hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử theo dõi thời gian thực (nhật ký bón phân, phun thuốc sinh học, thời gian cách ly); đồng thời khâu bảo quản sau thu hoạch còn thô sơ, thời gian bảo quản ở nhiệt độ thường chỉ duy trì từ 3 - 5 ngày. Do đó, bài toán trọng tâm đặt ra là cần giải pháp công nghệ số hóa toàn diện quy trình canh tác và hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử theo chuỗi (sử dụng mã QR động gắn định danh vùng trồng, tích hợp nhật ký điện tử liên thông Cổng truy xuất nguồn gốc thành phố/quốc gia); đồng thời ứng dụng công nghệ bảo quản sau thu hoạch thông qua kho lạnh thông minh kiểm soát tự động nhiệt độ, độ ẩm kết hợp xử lý màng sinh học kháng khuẩn để kéo dài thời gian bảo quản táo tươi lên 20 - 30 ngày mà vẫn giữ nguyên chất lượng, hình thức quả.

Mục tiêu định lượng hướng tới là: 100% diện tích (5 ha) được cấp mã số vùng trồng; 100% sản lượng đóng gói dán tem truy xuất nguồn gốc điện tử chống hàng giả; giảm tỷ lệ hư hỏng sau thu hoạch từ 15% xuống dưới 3%; mang lại lợi ích trực tiếp cho 35 hộ nông dân tham gia chuỗi.

Về nhu cầu kinh phí, tổng mức đầu tư dự kiến là 2.800 triệu đồng (trong đó năm 2027 thực hiện 1.800 triệu đồng; giai đoạn 2028 - 2030 tiếp tục duy trì, hoàn thiện công nghệ với 1.000 triệu đồng). Cơ cấu nguồn vốn gồm: Ngân sách thành phố hỗ trợ chuyển giao KHCN và chuyển đổi số là 1.600 triệu đồng (chiếm 57,1%); vốn

đối ứng của các hộ dân/Hợp tác xã là 1.200 triệu đồng (chiếm 42,9%), được xác định trên cơ sở định mức các dự án chuyển giao ứng dụng KHCN tương tự của thành phố.

Dự kiến sau khi hoàn thành đầu tư, giá bán bình quân của sản phẩm sẽ tăng từ 50.000 đồng/kg lên 80.000 đồng/kg (tăng 60% giá trị nhờ đạt chuẩn tiêu chuẩn chất lượng và truy xuất nguồn gốc đưa vào siêu thị lớn), đưa tổng doanh thu toàn chuỗi đạt 5.600 triệu đồng/năm. Giá trị sản xuất tăng thêm ước đạt 2.100 triệu đồng/năm (70 tấn × 30.000 đồng/kg chênh lệch giá bán). Bên cạnh đó, việc kéo giảm tỷ lệ hao hụt sau thu hoạch từ 15% xuống dưới 3% giúp tiết kiệm khoảng 672 triệu đồng/năm (bảo toàn thêm 8,4 tấn táo thương phẩm × 80.000 đồng/kg).

Trên cơ sở đó, UBND xã Hùng Thắng đề xuất thành phố đặt hàng Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố năm 2027 với đề tài: *"Ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý chuỗi truy xuất nguồn gốc gắn với công nghệ bảo quản sau thu hoạch nâng cao giá trị sản phẩm Táo Hùng Thắng"*. Đơn vị chủ trì thực hiện là UBND xã Hùng Thắng, địa chỉ ứng dụng tại vùng trồng táo tập trung xã Hùng Thắng; nguồn lực thực hiện gồm 1.600 triệu đồng từ ngân sách thành phố và 1.200 triệu đồng vốn đối ứng của nhân dân; thời hạn hoàn thành nghiệm thu nhiệm vụ KHCN vào tháng 12/2027; chỉ tiêu đóng góp trực tiếp làm tăng giá trị sản xuất toàn chuỗi 2.100 triệu đồng/năm, tiết kiệm chi phí hao hụt 672 triệu đồng/năm, đồng thời chuẩn hóa 100% diện tích vùng trồng và sản lượng tiêu thụ bằng mã số vùng trồng cùng tem điện tử thông minh.

Phần thứ ba

TỒN TẠI, HẠN CHẾ, ĐIỂM NGHẼN

I. VỀ THỂ CHẾ: Hệ thống văn bản hướng dẫn về quản lý, vận hành và định mức chi trả thù lao cho công tác an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu ở cấp xã chưa có quy định cụ thể, thống nhất.

II. VỀ THỰC THI: Kỹ năng số của một bộ phận người dân cao tuổi, lao động tự do còn hạn chế, dẫn tới vẫn còn thói quen trực tiếp đến trụ sở nhờ cán bộ Một cửa kê khai thay thay vì chủ động nộp trực tuyến tại nhà.

III. VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO: Việc thương mại hóa và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp tại chỗ còn mang tính tự phát, liên kết theo chuỗi giá trị '3 Nhà' chưa thực sự chặt chẽ, thiếu doanh nghiệp đầu tàu bao tiêu dài hạn.

IV. VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ: Cơ sở hạ tầng máy vi tính của xã có 10 bộ máy đã sử dụng lâu năm, cấu hình thấp, chưa đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật an toàn mạng theo Nghị định 331/2026/NĐ-CP; xã chưa có công chức chuyên trách công nghệ thông tin mà hoàn toàn do công chức Văn phòng kiêm nhiệm.

V. VỀ TÀI CHÍNH VÀ GIẢI NGÂN:

Kinh phí bố trí cho chuyển đổi số từ ngân sách cấp xã còn rất hạn hẹp, chủ yếu lồng ghép trong chi hoạt động thường xuyên nên chưa thể đầu tư đồng bộ thiết bị số hóa chuyên dụng.

VI. VỀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÁC ĐỀ ÁN, DỰ ÁN: chưa có.

Phần thứ tư
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM CÁC THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng ủy, Ban Chỉ đạo xã: Tiếp tục bám sát sự chỉ đạo của Thường trực Đảng ủy, kiểm tra đôn đốc định kỳ hằng tuần đối với các nhiệm vụ chuyển tiếp; quyết tâm hoàn thành 100% các chỉ tiêu KHCN, ĐMST và CĐS năm 2026 của thành phố giao trước ngày 15/12/2026.

2. Tập trung tháo gỡ điểm nghẽn dữ liệu tập trung nhân lực số hóa, làm sạch 100% hồ sơ, bảo đảm dữ liệu đồng bộ "đúng, đủ, sạch, sống".

3. Đẩy mạnh an toàn, an ninh mạng: Phối hợp Công an thành phố hoàn thiện hệ thống phòng chống mã độc trên 100% máy tính, phần mềm chấm công, bảo vệ hệ thống an ninh mạng.

4. Phát huy tối đa hiệu quả Tổ công nghệ số cộng đồng: Tổ chức chiến dịch "Đi từng ngõ, gõ từng nhà" phổ cập chữ ký số cá nhân và hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình, phấn đấu nâng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến nộp tại nhà đạt trên 70%.

5. Chuẩn bị các điều kiện triển khai nhiệm vụ năm 2027: Lập hồ sơ đăng ký nhiệm vụ KHCN ứng dụng tự động hóa cho sản phẩm táo; tổng hợp dự toán mua sắm nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong 10 tháng đầu năm 2026 và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm các tháng cuối năm 2026 của UBND xã Hùng Thắng, kính báo cáo Thường trực Đảng ủy và Ban Chỉ đạo thành phố theo dõi, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Ban Chỉ đạo KHCN, ĐMST và CĐS TP;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Công an thành phố;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các cơ quan đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, BCĐ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Trọng Thủy